

TỜ TRÌNH

**Về việc xin thông qua Nghị quyết Đề án đề nghị công nhận
thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Để hoàn chỉnh các quy trình thực hiện theo đúng quy định trước khi trình Bộ Xây dựng thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II với các nội dung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành văn bản

1. Sự cần thiết:

Thực hiện Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012; quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre đến năm 2020; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Bến Tre đến năm 2020. Trong những năm qua được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ và nhân dân thành phố Bến Tre đã tập trung xây dựng, phát triển, đến nay thành phố Bến Tre đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình hình an ninh quốc phòng ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống của dân cư đô thị đã được nâng lên nhiều mặt.

Hiện tại, thành phố Bến Tre đã cơ bản đạt các tiêu chuẩn đô thị loại II, công nhận thành phố Bến Tre là đô thị loại II sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển, có cơ hội xúc tiến đầu tư mạnh mẽ, huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang nâng cấp đô thị ngày càng khang trang hiện đại, góp phần đẩy nhanh được tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đồng thời góp phần nâng cao mức sống của người dân đô thị.

2. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

II. Nội dung của Nghị quyết

1. Tên gọi: Nghị quyết thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II.

2. Nội dung chính của Nghị quyết:

Số tiêu chuẩn đạt: 55/59 tiêu chuẩn; Số tiêu chuẩn chưa đạt 04 tiêu chuẩn, bao gồm các tiêu chuẩn: Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành, nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thành, nội thị; Mật độ đường chính trong khu vực nội thị; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng. Tổng số điểm đạt được: **88,06/100** điểm. Cụ thể:

a. Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (gồm 07 tiêu chuẩn, điểm chuẩn từ 15-20 điểm): đạt 18,02/20 điểm, bao gồm:

- Vị trí, chức năng, vai trò đô thị (điểm chuẩn 3,75-5 điểm): đạt 3,75/5,0 điểm;

- Nhóm các tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (điểm chuẩn 11,25-15): đạt 14,27/15 điểm.

b. Tiêu chí 2: Quy mô dân số (gồm 02 tiêu chuẩn, điểm chuẩn từ 6-8 điểm): đạt 6,16/8,0 điểm, bao gồm:

- Dân số toàn đô thị (chỉ tiêu 200 - \geq 500 ngàn người): hiện có 201,667 người, đạt 1,5/2,0 điểm;

- Dân số khu vực nội thành, nội thị (chỉ tiêu 100 - \geq 200 ngàn người): hiện có 110.660 người, đạt 4,66/6,0 điểm;

c. Tiêu chí 3: Mật độ dân số (gồm 02 tiêu chuẩn, điểm chuẩn từ 4,5-6 điểm): đạt 5,05/6,0 điểm, bao gồm:

- Mật độ dân số trung bình toàn đô thị (chỉ tiêu 1.800 - \geq 2000 người/km²) hiện có 2.856 người/km², đạt 1,5/1,5 điểm;

- Mật độ dân số khu vực nội thành (chỉ tiêu 8.000 - \geq 10.000 người/km²) hiện có là 8.099 người/km², đạt 3,55/4,5 điểm.

d. Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (gồm 02 tiêu chuẩn, điểm chuẩn từ 4,5 - 6 điểm): đạt 6,0/6,0 điểm, bao gồm:

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (chỉ tiêu 65% - \geq 70%), hiện đạt 88,75%, đạt 1,5/1,5 điểm;

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành (chỉ tiêu 80% - \geq 85%), hiện đạt 95,05%, đạt 4,5/4,5 điểm.

e. Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (gồm 46 tiêu chuẩn, điểm chuẩn 45 - 60 điểm): đạt 52,83/60 điểm, bao gồm:

- Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành

+ Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội (điểm chuẩn từ 7,5 - 10 điểm): đạt 8,94/10 điểm.

+ Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật (điểm chuẩn từ 10,5 - 14 điểm): đạt 10,74/14 điểm.

+ Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (điểm chuẩn từ 10,5 - 14 điểm): đạt 11,73/14 điểm.

+ Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị (điểm chuẩn từ 7,5 - 10 điểm): đạt 9,54/10 điểm.

- Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành

+ Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng xã hội (điểm chuẩn từ 3 - 4 điểm): đạt 3,89/4,0 điểm.

+ Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị (điểm chuẩn từ 3 - 4 điểm): đạt 4,0/4,0 điểm;

+ Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (điểm chuẩn từ 1,5 - 2 điểm): đạt 2,0/2,0 điểm;

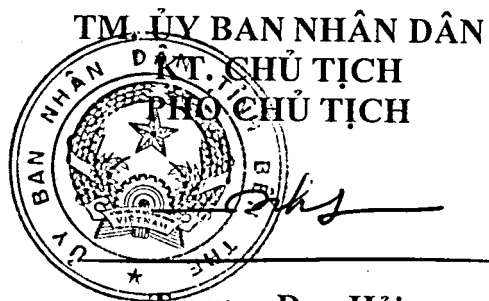
+ Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan (điểm chuẩn từ 1,5 - 2 điểm): đạt 2,0/2,0 điểm.

(Đính kèm Dự thảo Nghị quyết và thuyết minh Đề án)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thông qua);
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng N/c: TH, TCĐT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.



Số: /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận
thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX- KỶ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Xét Tờ trình số 2613 /TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bến Tre về việc trình thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố
Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến
Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
hoàn tất thủ tục trình cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định công nhận theo
quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, các Ban Hội đồng nhân
dân tỉnh Bến Tre, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre giám sát việc thực hiện
Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khoá IX, Kỳ
họp thứ 7 thông qua ngày tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày
thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh Bến Tre;
- Ban TT. UBMTTQVN tỉnh Bến Tre;
- Các Ban HĐND tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh Bến Tre;
- Các Sở: Nội vụ, Xây dựng, Tư pháp;
- TT. HĐND thành phố Bến Tre;
- UBND thành phố Bến Tre;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

Số: 336/BC-HĐND

Bến Tre, ngày 18 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO THẨM TRA
Dự thảo Nghị quyết về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố
Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II

Qua xem xét nội dung Tờ trình số 2613/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Nghị quyết Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II.

Ban kinh tế - ngân sách đã tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến thẩm tra như sau:

- Thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là đô thị loại II.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung phần căn cứ: “Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014”.

- Bổ sung nội dung chú thích in nghiêng “kèm theo Đề án” vào Điều 1 Dự thảo Nghị quyết.

- Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung báo cáo giải trình của các cơ quan có liên quan theo đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tại Báo cáo số 719/BC-MTTQ-BTT ngày 09 tháng 4 năm 2018 báo cáo tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre là đô thị loại II để làm cơ sở đại biểu thảo luận.

Ban kinh tế - ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu khách mời;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, MT.vv

TM. BAN KINH TẾ - NS HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Quới

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE

BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 719/BC-MTTQ-BTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 09 tháng 4 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH	
Số: 951	ĐẾN
Ngày: 10/4/2018	Chuyên: ĐỐI VỚI ĐỀ
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN PHẢN BIỆN XÃ HỘI

ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THÀNH PHỐ BẾN TRE LÀ ĐÔ THỊ LOẠI II.

-*-

20.4.2018

Foto gửi:

- AZ (ưu tiên) (PCT)
- Cai P, PB
- CVP; H. M. M. M.
- Phòng T. hợp

K. P. H. H.

Thực hiện Chương trình giám sát, phản biện năm 2018.

Kế hoạch số 232/KH-MTTQ-BTT, ngày 26/3/2018 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre về việc phản biện xã hội đối với Đề án đề nghị công nhận Thành phố Bến Tre là đô thị loại II, trên cơ sở ý kiến phản biện của 10/11 thành viên Hội đồng phản biện, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp báo cáo, cụ thể như sau:

1. Nhận xét chung về Đề án:

+ Về mặt pháp lý:

- Việc quy hoạch và phát triển thành phố Bến Tre lên đô thị loại II là phù hợp với quy định của Luật Đô thị; Luật Xây dựng; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; các văn bản có liên quan và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Từ phần I đến III đề án khái quát khá đầy đủ hiện trạng phát triển của Thành phố Bến Tre, cho chúng ta có cái nhìn tổng quát về cơ cấu kinh tế, sự chuyển dịch và định hướng phát triển trong tương lai; hệ thống giao thông, cơ sở vật chất của hệ thống văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế, môi trường...

Việc xây dựng thành phố Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại II là một nhu cầu thiết yếu, là niềm mong mỏi của người dân. Việc thành phố đạt chuẩn đô thị loại II cũng là một động lực thúc đẩy cả hệ thống chính trị và người dân phấn đấu, chung tay xây dựng thành phố ngày càng phát triển.

- Về bố cục được trình bày đầy đủ, hợp lý theo thứ tự 5 phần được thể hiện như sau: lý do và sự cần thiết phân loại thành phố Bến Tre đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển thành phố Bến Tre; Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng của thành phố Bến Tre; Tổng hợp đánh giá phân loại thành phố Bến Tre theo các tiêu chí của đô thị loại II; Chương trình phát triển thành phố Bến Tre đến năm 2030.

- Nội dung đề án được trình bày rõ ràng, mạch lạc, đã áp dụng phương pháp so sánh và tính toán về các tiêu chuẩn, tiêu chí, điểm đều chính xác và phù hợp với các quy định hiện hành; Các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế và định

hướng phát triển thời gian tới được nêu phù hợp với các quy hoạch tổng thể, quy hoạch xây dựng và khá phù hợp với thực tiễn phát triển thành phố hiện nay.

- Về lộ trình đầu tư phát triển đô thị thành phố Bến Tre từ nay đến 2020 và những năm tiếp theo: Thống nhất với các giải pháp để đầu tư phát triển, nâng cấp toàn diện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đảm bảo đô thị phát triển bền vững đạt và vượt các tiêu chuẩn quy định về phân loại đô thị giai đoạn 2018 – 2020, giai đoạn 2021 – 2030 trong dự án nêu.

Vì vậy, đa số các đại biểu đều thống nhất với báo cáo đánh giá và kết quả đạt được trong quá trình xây dựng UBND thành phố Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại II, thống nhất điểm số tự chấm của UBND thành phố Bến Tre: 88,07 điểm, đủ điều kiện đề nghị về TW công nhận và cho rằng đề án do Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre trình bày tuân thủ đúng quy định tại nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Những vấn đề UBND thành phố Bến Tre và các cơ quan có liên quan cần làm rõ:

Bên cạnh sự thống nhất nêu trên, các đại biểu đề nghị cơ quan có thẩm quyền (Thành phố Bến Tre, Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan) cần nghiên cứu làm rõ các vấn đề sau:

- Để thành phố Bến Tre xứng tầm là đô thị loại II cần được Trung ương, tỉnh quan tâm đầu tư thỏa đáng về nhiều mặt. Trong đó cần quan tâm sớm xây dựng cho được: khu đô thị mới Đại lộ Đông Tây; Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông và Bờ kè dọc sông Hàm Luông (từ xã Mỹ Thạnh An, Phường 7, Bình Phú, Mỹ Thành). Qua đó nhằm thu hút phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng dọc sông Hàm Luông; và đầu tư Đại lộ Đông Tây phía Nam (thuộc xã Mỹ Thạnh An); song song đó cần nghiên cứu kết nối với việc thực hiện dự án Cầu Rạch Miễu 2 nên có hệ thống giao thông mới gắn với cầu Hàm Luông 2 (Khu vực Tây Bắc thành phố Bến Tre). Bên cạnh các chương trình, dự án thành phố cần có những giải pháp kết hợp tích cực để thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.

Để đề án này thực sự có tác động thúc đẩy sự phát triển thành phố Bến Tre toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đề nghị Chính quyền các cấp trong tỉnh cần đầu tư nhiều hơn để nâng cao hơn nữa kết quả thực hiện các tiêu chí, khắc phục những điểm còn yếu, những điểm chưa thực hiện được để thành phố Bến Tre thực sự là thành phố đạt chuẩn đô thị loại II trên thực tế, cụ thể:

- Tại mục IV của Đề án về các giải pháp khắc phục các tiêu chuẩn phân loại đô thị có nêu:

"Giai đoạn 2018-2020 tập trung các dự án lớn qui mô như khu tái định cư Đông á- Phú Nhuận, Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị khu vực Tây bắc thành phố Bến Tre; Dự án chỉnh trang khu đô thị dọc sông Bến Tre, phường 8- Thành phố Bến Tre; dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị Phú khương, các khu du lịch nghỉ

dưỡng, các khu dân cư đô thị mới; đầu tư xây dựng các khu dân cư phục vụ cho người có thu nhập thấp, người lao động..."

Chúng tôi thấy việc đầu tư, chỉnh trang đô thị là cần thiết, tuy nhiên những dự án nêu trên đều là những dự án đầu tư bất động sản của doanh nghiệp ngoài nhà nước ăn theo những dự án giao thông lớn của tỉnh như dự án đại lộ đông tây, dự án đường Ngô Quyền nối dài...các dự án này mới ở giai đoạn đề xuất đầu tư, chưa triển khai, chưa thể hiện được năng lực tài chính cũng như năng lực kỹ thuật công nghệ nên chưa thể hiện được tính khả thi. Chưa kể có những dự án như dự án đầu tư chỉnh trang đô thị khu vực Tây Bắc thành phố Bến Tre có sự chồng chéo với qui hoạch phát triển đô thị thành phố Bến Tre và qui hoạch phát triển du lịch.

Việc đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại II phải phụ thuộc vào việc thực hiện các dự án đầu tư trong khu vực tư để dẫn đến việc không đạt mục tiêu đề ra. nên đề nghị cần bổ sung giải pháp trong đó có thể hiện tính chủ động của Nhà nước, của ngân sách trong đầu tư phát triển đô thị.

- Đối với tiêu chuẩn đầu mối giao thông: Chúng tôi thống nhất giải pháp phát triển và khai thác hiệu quả các tuyến vận tải đường sông. Song đề nghị nghiên cứu bổ sung tiêu chí này cụ thể hơn. Vì thành phố Bến Tre có lợi thế nằm bên các con sông tuyệt đẹp như Hàm Luông, Bến Tre. Nhân dân ta đã có truyền thống khai thác giao thông thủy rất hiệu quả. Phát triển giao thông thủy mở các bến thủy tại thành phố Bến Tre để phát triển vận tải, du lịch, chống quá tải đường bộ, là đầu mối đến tất cả các huyện trong tỉnh và đến các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam bộ. Mô hình xây dựng bến thủy đi Vũng Tàu là một hoạt động hứa hẹn khả năng và gây cảm hứng cho nhà đầu tư phục hồi, khai thác giao thông thủy trong đó có cả vận tải hành khách hiệu quả.

- Đối với tiêu chuẩn đất giao thông khu vực nội thành: cần đưa ra giải pháp cụ thể để đạt tỷ lệ đất dành cho giao thông như qui định của Luật đô thị. Không chỉ trông chờ vào sự phát triển giao thông nội thành từ những dự án đầu tư, chỉnh trang đô thị vì vừa chưa đảm bảo tính khả thi và chỉ mang tính thành phần chưa bao quát được mạng lưới giao thông đô thị chung.

Hiện nay giao thông đô thị mới thuận lợi, thông thoáng tại những khu vực gần những lộ lớn, còn nhiều những khu dân cư tập trung lâu năm rất đông dân nhưng đa số có đường hẻm nhỏ hẹp, uốn lượn, đường cùng, cùng với tình trạng lấn chiếm hành lang giao thông làm cho người dân đi lại khó khăn, khi có sự cố cháy nổ lực lượng ứng cứu, xe cứu hỏa, xe cứu thương khó tiếp cận, nên sự an toàn của người dân luôn bị đe dọa cần có giải pháp cụ thể để khắc phục tình trạng này, tạo sự thông thoáng văn minh, an toàn cho người dân.

+ Về tiêu chí 2: Quy mô dân số:

Dân số toàn đô thị là 201.667 người. Số lượng người thường trú ở Thành phố là 122.482 người, trong nội thành 65.827 người và ngoại thành 56.655 người. Số liệu này xin không bàn cãi. Chúng tôi quan tâm đến số lượng người tạm trú qui đổi là 79.185 người, bằng 61,38% số người thường trú. Hơn 60% dân số là khách vắng lai là một tỉ lệ khá lớn. Thường chỉ những trung tâm thành phố lớn với vai trò trung tâm của một vùng mới có tỉ lệ cao như vậy .

+ Về tiêu chí 3: Mật độ dân số

- Về tiêu chuẩn mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích xây dựng đô thị:

Dự thảo Đề án chưa nêu khung tiêu chuẩn, thang điểm tối đa- tối thiểu, đề nghị bổ sung vấn đề này.

+ Về tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Chúng tôi rất ít tin tưởng về số liệu này. Theo số liệu thống kê về dân số thì tỉ lệ lao động trong độ tuổi so với dân số thường nằm trong khoảng 59 – 61%. Lấy mức bình quân 60% thì số lượng trong độ tuổi của Thành phố Bến Tre kể cả số qui đổi thì khoảng 122.482 người. Trong khi đó theo đề án là 142.035 người, lớn hơn gần 20.000 người, bằng 70,43% dân số (biểu số 7).

Nếu lấy số liệu ở Biểu 1 số lao động thành phố là 68.320 người. Cộng với số lượng người thống kê qui đổi ở Biểu số 6 thì chúng ta lại có một con số khác 147.505 người lao động. Và cũng theo Biểu số 6 trong tổng số người qui đổi có đến 17.255 người là sinh viên, học viên ở các trường, cơ sở đào tạo, bệnh nhân và người nuôi ở các bệnh viện. Số lượng người này có phải là lao động không?

Rất khó khi phải lựa chọn con số nào cho phù hợp để tính phần trăm tỉ lệ lao động phi nông nghiệp cho chính xác.

- Đối với tiêu chí văn hóa, thể thao: cần bổ sung giải pháp rà soát các công trình, cơ sở văn hóa để quản lý, khai thác phục vụ cho các hoạt động văn hóa, giải quyết tình trạng cho thuê, sử dụng kinh doanh thương mại không đúng mục đích làm cho những nơi là công viên, nhà văn hóa, rạp chiếu phim... không phát huy tác dụng, gây mất mỹ quan đô thị, không đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân đô thị.

Về giải pháp bảo vệ, cải thiện môi trường: Cần coi đây là nội dung cốt lõi trong việc phát triển đô thị nên những giải pháp nêu ra cần cụ thể hơn.

Đề nghị bổ sung giải pháp về trật tự xã hội, an ninh, quốc phòng vì đây là nội dung cần thiết để đảm bảo cho đô thị an toàn, văn minh.

- Báo cáo đánh giá việc xây dựng TP vừa qua cũng như phương hướng tới 2030 nói rất mờ nhạt quan điểm hay mô hình được xác định trước đây khi xây dựng đề án TP Bến tre : là TP Xanh ,Sạch ,Đẹp ,Thân thiện ,Phát triển bền vững ,trong nhận thức hay quyết tâm nên nhấn mạnh ý tưởng hoặc chủ đề này, ví dụ TP. HCM có ý tưởng xây dựng TP thông minh, đáng sống, TP Đà Lạt -TP Hoa và du lịch ,TP Nha Trang -TP Biên ..TP Buon Ma Thuộc -TP Cà phê ...Vậy TP Bến Tre sẽ là TP gì ? Thiết nghĩ nên nhấn mạnh chủ đề này trong xây dựng TP Bến Tre trong tương lai và phấn đấu đạt nó trong năm 2030.

+ Đề nghị xem lại và nói rõ thêm các tiêu chuẩn sau đây:

- Các tiêu chuẩn trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ nông thôn, nhà ở dân cư cần nêu rõ số liệu để tính tỉ lệ phần trăm.

- Về tiêu chuẩn chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Theo biểu số 2, nếu cho rằng tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng trong năm 2014,2015,2016 là chưa thuyết phục (năm 2015 và 2016 lại thấp hơn 2014). Cần nghiên cứu lại để tính điểm cho phù hợp với tiêu chuẩn này. Ngoài ra, cần xem lại số liệu về cơ cấu chuyển dịch nông nghiệp, vì thực tế trong báo cáo qua các năm tỷ trọng nông nghiệp không thấy giảm.

+ Trang 47 và biểu 17 thống kê cơ sở vật chất của thể thao còn thiếu : Sân quần vợt ít nhất đến tháng 3 /2018 có 13 sân (5 sân ở khu vực nhà thi đấu, 2 sân mái che ở Bình phú , 2 sân ở Dương gia trang cũ ,sân trong khuôn viên nhà bảo tàng ,khu tập thể ngân hàng ,cty xăng dầu) ...

Ngoài ra các đại biểu cũng góp ý một số từ ngữ chưa chuẩn xác cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp như:

+ Tại Trang 8 đề án có nêu xã Phú Mỹ thuộc huyện Chợ Lách là không đúng, vì xã Phú Mỹ thuộc huyện Mỏ Cày Bắc.

+ Tại trang 11, phần III mục 3.1 về cơ cấu kinh tế theo ngành, lĩnh vực và thành phần, văn bản có nêu: “cơ cấu kinh tế của thành phố đã có những chuyển biến rõ nét, bộc lộ những dấu hiệu tích cực...”. Cụm từ “Bộc lộ” nên thay bằng từ khác cho phù hợp hơn, có thể dùng từ “thể hiện” vì từ bộc lộ ám chỉ hạn chế, thiếu sót.

+ Tại dòng đầu trang 17 nêu “Trong những năm qua thành phố đầu tư xây dựng một số khu đô thị mới...” nêu như vậy chưa chính xác vì tại thành phố Bến Tre chỉ mới đầu tư được các khu dân cư, tái định cư, về mặt pháp lý và thực tế thành phố Bến Tre chưa có khu đô thị mới.

+ Tại trang 21 nội dung 5 về công trình hành chính đề nghị thể hiện các công trình cơ quan hành chính như: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tỉnh và cấp thành phố cũng thể hiện tương tự như vậy cho đầy đủ các cơ quan (Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể) và các ngành có thể nêu vài đơn vị đại diện v.v...

3. Kiến nghị:

Đề nghị UBND thành phố Bến Tre, Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan quan tâm thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Để tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, tương xứng với chức năng đô thị loại II, Đề án đã đề ra được mục tiêu cho giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2030.

Đề án cũng đề ra 13 vấn đề cần tập trung để hoàn thiện các tiêu chí để thành phố Bến Tre thực sự là một đô thị loại II đúng thực chất. Trong mỗi vấn đề có đề ra quan điểm xử lý, các công việc cần làm, các công trình cần đầu tư. Cơ sở cho đề xuất các công việc, các công trình đầu tư dựa trên 2 chương trình, đề án đã được thông qua là Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre giai đoạn đến năm 2020, định hướng 2030 và Đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

Tuy nhiên, chúng tôi thấy các số liệu, danh mục công trình trong 2 chương trình, đề án đã được thông qua đã lạc hậu rất nhiều so với thực tế đang diễn ra trên địa bàn thành phố Bến Tre vì vậy cần được cập nhật lại cho phù hợp với thực tế và xu hướng phát triển mới.

Trong giai đoạn 2018 – 2020: Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đối với nhóm các tiêu chí chưa đạt (còn 04 tiêu chí chưa đạt, điểm 0), tiếp tục đầu tư

nâng cấp nhóm tiêu chí đã đạt điểm trên mức tối thiểu quy định nhưng chưa đạt điểm tối đa nhằm phát triển đô thị thành phố Bến Tre một cách toàn diện, bền vững.

Cần xác định các công việc, danh mục các công trình cần phải tập trung đầu tư để hoàn thiện 4 tiêu chí chưa đạt chuẩn tối thiểu. Cần có khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư, vốn đầu tư từ nguồn nào và phân kỳ đầu tư. Với tiêu chí mật độ đường giao thông nội thành rộng trên 7m chúng ta cần phải có thêm hơn 15km, đạt tỉ lệ 15% đất giao thông nội thành so với đất xây dựng cần hơn 57ha, đầu tư nhà máy xử lý nước thải ... nguồn vốn cho các vấn đề này là bài toán khó hiện nay.

Cần thực sự quan tâm triển khai nhanh Cụm công nghiệp Phú Hưng để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc tăng trưởng, thu hút được di dân cơ học đảm bảo dân số của một đô thị loại II. Trong thực tế vấn đề này đã đề cập từ lâu nhưng triển khai rất ỉ ạch.

Quan tâm đầu tư xây dựng các KDC phục vụ cho người có thu nhập thấp, các khu tái định cư trong quá trình chỉnh trang đô thị, tạo đồng thuận trong nhân dân khi triển khai quy hoạch chỉnh trang đô thị, quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động nhằm nâng cao đời sống người dân trong quá trình đô thị hóa.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với Đề án đề nghị công nhận thành phố Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại II, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xin gửi đến Sở Xây dựng, UBND thành phố Bến Tre xem xét, giải trình và chỉnh sửa, bổ sung những vấn đề mà Hội đồng phản biện đặt ra.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- UBND TP. Bến Tre
- TV Hội đồng phản biện;
- Lưu Ban DCPL, VP.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoanh